

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/LĐ- ST
Ngày: 28-4-2017
“Tranh chấp đòi tiền lương”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Bé
2. Ông Trần Văn Nhị.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2017/TLST - LĐ ngày 11 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp đòi tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Long An (*có mặt*)

Bị đơn: Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ: quốc lộ A, xã M, huyện P, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Hồ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A chung cư B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 27/4/2017). (*có mặt*)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ngày 15/7/2010 ông H ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty cổ phần B với chức danh là cán bộ quản lý, mức lương thỏa thuận 4.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận hình thức trả lương bằng tiền mặt. Đến tháng 12/2011 giữa ông và công ty có thỏa thuận miệng thay đổi hợp đồng lao động, cụ thể ông làm vị trí Phó giám đốc cho công ty với mức lương 10.000.000đ, tuy nhiên mỗi tháng đều làm từ 29 ngày đến 30 ngày (làm cả ngày chủ nhật) nên mức

lương là 11.538.462 đồng và cộng thêm phụ cấp tiền cơm (sau khi trừ đi các khoản như bảo hiểm xã hội, tiền cơm) thì lương thực lãnh của ông là 11.608.346 đồng. Trong khoản thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2014 Công ty cổ phần B chưa thanh toán tiền lương cho ông là 36 tháng x 11.608.346 đồng = 420.492.456 đồng. Ngoài ra công ty cũng chưa thanh toán cho ông 02 tháng tiền lương gồm lương tháng 6/2016 và tháng 7/2016 với mức lương thỏa thuận lại là 6.000.000đ/tháng, thành tiền là 12.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lương Công ty cổ phần B còn nợ ông là 432.492.456 đồng. Ông làm việc đến cuối tháng 7/2016 thì nộp đơn xin nghỉ việc nhưng đến nay Công ty vẫn chưa giao quyết định nghỉ việc cho ông, ông yêu cầu Công ty cổ phần B lập thủ tục để ông được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Ngày 07/4/2017, ông H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa số tiền 432.492.465 đồng trong khoản tiền bán tài sản của Công ty Cổ phần B mà Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý, tuy nhiên sau đó ông H có đơn xin rút yêu cầu này.

Tại văn bản đề ngày 24/4/2017 của Công ty Cổ phần B và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty Cổ phần B trình bày: Trước đây ông Nguyễn Mạnh H có xin vào làm việc tại công ty nhưng do không có năng lực, chuyên môn nên không đủ điều kiện ký kết hợp đồng lao động, vì thế ông H cũng không đủ điều kiện để được đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội. Thực tế ông H có nhận làm các công việc dịch vụ cho cá nhân bà C để hưởng thù lao theo vụ việc, không phải là mối quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động theo luật lao động. Hợp đồng lao động do ông H cung cấp cho Tòa án là do ông H tự lập, không có ngày tháng năm, không có dấu của pháp nhân. Bảng lương, bản thỏa thuận tiền lương, danh sách lao động tham gia bảo hiểm xã hội không ghi rõ họ tên, đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của công ty do đó không đủ cơ sở làm chứng cứ trong vụ kiện. Biên bản hòa giải tại Phòng Lao động - Thương binh và xã hội giải quyết không khách quan theo quy định về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Do ông H không phải là người lao động của công ty nên việc ông H yêu cầu thanh toán tiền lương theo đơn khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, tạo điều kiện để người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ. Về nội dung giải quyết vụ án, theo tài liệu thu thập xác định giữa ông H và Công ty cổ phần B có phát sinh quan hệ lao động, tại phiên tòa đại diện bị đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện công ty cổ phần B tranh chấp đòi tiền lương là tranh chấp về lao động theo khoản 7 Điều 3 Bộ luật lao động. Bị đơn là Công ty cổ phần B có trụ sở tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, ngoài việc yêu cầu Công ty cổ phần B trả 02 tháng tiền lương của tháng 6/2016, tháng 7/2016 thì ông H yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần B phải trả số tiền nợ lương trong thời gian lao động từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2014 là 36 tháng với mức lương là 11.608.346 đồng/ tháng, ông H cho rằng bà C đại diện công ty có hứa hẹn nhưng không có làm giấy tờ. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của công ty Cổ phần B cho rằng việc hòa giải của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội là không khách quan theo quy định về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật lao động, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đại diện công ty không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu theo khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động để đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xem xét toàn bộ yêu cầu của ông H.

Về nội dung vụ án: Xét thấy ông H chỉ cung cấp cho Tòa án bản photo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký kết giữa các bên có ghi hiệu lực từ ngày 15/7/2010, chức danh chuyên môn là quản lý lao động và bảng thỏa thuận tiền lương cùng ngày 15/7/2010 với mức lương 4.000.000đ/tháng. Hợp đồng cũng như bảng thỏa thuận tiền lương nêu trên chỉ có chữ ký của người lao động và người sử dụng lao động mà không ghi đầy đủ họ tên cũng như đóng dấu của đại diện người sử dụng lao động. Việc ký kết hợp đồng lao động như trên là chưa đảm bảo theo quy định tại các Điều 15, 16 của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động không xác định thời hạn phải được giao kết bằng văn bản. Ông H trình bày tháng 12/2011 giữa các bên có thỏa thuận sửa đổi hợp đồng lao động nhưng không ký kết phụ lục hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng mới mà chỉ thỏa thuận bằng miệng là vi phạm quy định tại Điều 35 Bộ luật lao động.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện công ty B xác định chữ ký dưới mục “Người sử dụng lao động” trong Hợp đồng lao động do ông H cung cấp giống chữ ký của bà C là người đại diện theo pháp luật của công ty. Và tại Công văn số 525/BHXXH-QLT ngày 07/4/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An về việc “cung cấp thông tin tài liệu vụ án lao động đòi tiền lương” xác định Công ty cổ phần B đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H trong thời gian từ tháng 12/2010

đến tháng 3/2017. Mặt khác, theo thông báo số 424/TB-CTHA và thư mời số 332/TM-CTHA ngày 07/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An gửi Công ty B thông báo và mời đại diện Công ty cổ phần B tham gia việc định giá tài sản của công ty có ghi ông Nguyễn Mạnh H là Phó Giám đốc công ty cổ phần B. Như vậy có đủ cơ sở để xác định trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 3/2017 ông Nguyễn Mạnh H là người lao động làm việc cho công ty Cổ phần B.

Về khoản tiền nguyên đơn yêu cầu: Ông H yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần B phải thanh toán số tiền nợ lương trong thời gian lao động từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2014 là 36 tháng với mức lương là 11.608.346 đồng/ tháng và 02 tháng tiền lương gồm tháng 6/2016, tháng 7/2016 với mức lương thỏa thuận lại là 6.000.000đ/tháng, tổng thành tiền là 429.900.456 đồng, do tính toán nhầm lẫn nên theo đơn khởi kiện ông H ghi số tiền yêu cầu là 432.492.465 đồng. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về mức lương thực lãnh trong khoảng thời gian nêu trên với lý do các tài liệu chứng cứ đó do Công ty cổ phần B quản lý, lưu giữ. Theo công văn số 525/BHXXH-QLT ngày 07/4/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cùng các tài liệu kèm theo chỉ thể hiện mức lương ông H phải đóng bảo hiểm xã hội chứ không phản ánh mức lương thực lãnh của ông H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho công ty. Căn cứ theo điểm b Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì công ty cổ phần B phải có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo số 04/TB.TA ngày 20/02/2017 về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho công ty, ngày 07/4/2017 công ty đã được sao chụp tài liệu của đơn nguyên đơn cung cấp. Ngày 27/4/2017 công ty cổ phần B nộp văn bản trình bày ý kiến nhưng không cung cấp giao nộp tài liệu gì về việc chi trả khoản tiền lương mà ông H yêu cầu. Để bảo vệ quyền lợi của người lao động là bên yếu thế và dựa vào những căn cứ được nêu ở trên thì có đủ cơ sở xác định Công ty cổ phần B còn nợ tiền lương lao động như nguyên đơn ông H yêu cầu. Việc công ty chậm thanh toán tiền lương cho người lao động là vi phạm nguyên tắc về việc trả lương theo quy định tại Điều 96 Bộ luật lao động. Do đó buộc Công ty Cổ phần B phải trả cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 429.900.456 đồng, tính tròn là 429.900.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông H về việc yêu cầu công ty Cổ phần B phải lập thủ tục để ông H được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Xét thấy tại Công văn số 525/BHXXH-QLT ngày 07/4/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì Công ty cổ phần B vẫn đóng bảo hiểm cho ông H đến tháng 3/2017. Ông H không cung cấp được tài liệu thể hiện công ty cổ phần B đã nhận được đơn xin nghỉ việc của ông vào ngày 15/6/2016 như ông trình bày, vì vậy chưa có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa số tiền 432.492.465 đồng trong tài khoản của Công ty Cổ phần B. Trong quá trình Tòa án xác minh thì ngày 24/4/2017 ông H có đơn xin rút yêu cầu nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Yêu cầu của ông H được chấp nhận nên Công ty Cổ phần B phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
Các điều 3, 15, 16, 35, 37, 90, 94, 96 Bộ luật lao động; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H về việc “Tranh chấp lao động đòi tiền lương” với Công ty Cổ phần B.

Buộc Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 429.900.000đ (Bốn trăm hai mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Mạnh H mà Công ty Cổ phần B chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần B phải chịu 12.598.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/4/2017.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA huyện Thủ Thừa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến